

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2023/DS-PT
Ngày 25-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng;
Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 140/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T; địa chỉ trụ sở: số A, N, Phường V, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện cho bà Nguyễn Đức Thạch D: Ông Lê Văn P – Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh kiêm Trưởng Phòng giao dịch D, là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 3163/2021/QĐ-TL ngày 27/12/2021).

Người đại diện cho ông Lê Văn P: Ông Phạm Ngọc Trường S, sinh năm 1987 – Chức vụ: Phó Phòng giao dịch D, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 24/2023/UQKK-PGĐDT ngày 03/3/2023), có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Võ Thị Mộng H, sinh năm 1956;

2. Ông Lợi Phi P, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Mộng H và ông Lợi Phi P: Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1996; địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Long An; địa chỉ liên hệ: số A, khu phố A, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/8/2022), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Quốc S, sinh năm 1978 và bà Trương Thị Hồng A, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Võ Thị Mộng H và ông Lợi Phi P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T – Chi nhánh B – Phòng giao dịch D (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có cho ông/bà Lợi Phi P và Võ Thị Mộng H vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 202125971494 ngày 20/01/2021 với các nội dung chính như sau:

- Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng,
- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh mua bán củi, gỗ;
- Lãi suất 11%/năm và điều chỉnh theo quy định;
- Thời hạn vay: 12 tháng;

Tính đến ngày 11/01/2023 ông/bà Lợi Phi P và Võ Thị Mộng H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 1.169.178.473 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng), gồm:

- Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng;
- Lãi trong hạn: 9.257.534 đồng
- Lãi vốn gốc quá hạn: 159.020.548 đồng;
- Lãi phạt lãi quá hạn: 900.390 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà H, ông P có thể chấp các tài sản sau:

- Tài sản thứ 01: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA649911, số vào sổ CH00203 do Ủy ban nhân dân huyện D, cấp ngày 06/04/2010 cho bà Võ Thị Mộng H đứng tên chủ sở hữu, chi tiết:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 314, tờ bản đồ số 13;

Địa chỉ thửa đất: ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương;

Diện tích: 252m² (bằng chữ: hai trăm năm mươi hai mét vuông);

Hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 252m²; sử dụng chung: 0m²

Mục đích sử dụng: đất ONT: 143m²; đất HLLG: 109m²

- Tài sản thứ 02: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BV263287, số vào sổ CH04257 do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/05/2015 cho bà Võ Thị Mộng H đứng tên chủ sở hữu, chi tiết:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 500, tờ bản đồ số 20;

Địa chỉ thửa đất: ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương;

Diện tích: 552m² (bằng chữ: năm trăm năm mươi hai mét vuông);

Hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 552m²; sử dụng chung: 0m²

Mục đích sử dụng: đất ONT: 50m²; đất CLN: 502m²

Ngân hàng đã nhiều lần đến nhà làm việc cũng như đôn đốc bà H, ông P trả nợ. Qua quá trình làm việc, bà H, ông P đã nhiều lần cam kết thanh toán nợ vay cho Ngân hàng nhưng thực tế bà H, ông P không thực hiện đúng theo các cam kết trả nợ vay đã thỏa thuận.

Nhận thấy việc chậm trả nợ tiền vay đến hạn cũng như hành vi cố tình chây lỳ trong quá trình giải quyết nợ vay là vi phạm hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Ngân hàng kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện D giải quyết các nội dung sau:

+ Buộc bà Võ Thị Mộng H và ông Lợi Phi P phải thanh toán ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/01/2023 là 1.169.178.473 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu một trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm bảy mươi ba đồng), gồm:

Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 9.257.534 đồng;

Lãi vốn gốc quá hạn: 159.020.548 đồng;

Lãi phạt lãi quá hạn: 900.390 đồng.

+ Trường hợp bà H, ông P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bà H và ông P.

Bị đơn bà Võ Thị Mộng H và ông Lợi Phi P trình bày:

Thông nhất như phần trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc bà Võ Thị Mộng H và ông Lợi Phi P có ký Hợp đồng tín dụng số 202125971494 ngày 20/01/2021 với các nội dung chính như sau:

- Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng;

- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh mua bán củi, gỗ;

- Lãi suất 11%/năm và điều chỉnh theo quy định;

- Thời hạn vay: 12 tháng;

Để đảm bảo cho khoản vay, bà H, ông P có thể chấp các tài sản sau:

+ Tài sản thứ nhất: quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 314, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA649911,

số vào sổ CH00203 do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/04/2010 cho bà Võ Thị Mộng H.

+ Tài sản thứ hai: quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BV263287, số vào sổ CH04257 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 27/05/2015 cho bà Võ Thị Mộng H.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H, ông P phải trả tổng số tiền tính đến ngày 11/01/2023 là 1.169.178.473 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu một trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm bảy mươi ba đồng), gồm:

- Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng;
- Lãi trong hạn: 9.257.534 đồng
- Lãi vốn gốc quá hạn: 159.020.548 đồng;
- Lãi phạt lãi quá hạn: 900.390 đồng.

Bà H, ông P thống nhất với số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi vốn gốc quá hạn. Đối với lãi phạt quá hạn là 900.390 đồng thì bà H, ông P không đồng ý vì khi thỏa thuận hợp đồng tín dụng, Ngân hàng không đề cập tới khoản lãi quá hạn này. Đồng thời, bà H và ông P hiện nay đang khó khăn nên đề nghị được trả dần số tiền nợ mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T đối với bà Võ Thị Mộng H, ông Lợi Phi P về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự (hợp đồng tín dụng)”. Buộc bà Võ Thị Mộng H, ông Lợi Phi P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T tổng số tiền 1.168.278.083 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi tám triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng), gồm nợ gốc: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng); lãi trong hạn: 9.257.534 đồng (chín triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng); lãi vốn gốc quá hạn: 159.020.548 đồng (một trăm năm mươi chín triệu không trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/01/2023) cho đến khi thi hành án xong, bà H, ông P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 202125971494 ngày 20/01/2021 giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T với bà Võ Thị Mộng H, ông Lợi Phi P, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp bà Võ Thị Mộng H, ông Lợi Phi P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện D phát mãi tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 314, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA649911, số vào sổ CH00203 do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/4/2010 cho bà Võ Thị Mộng H và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại

ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BV263287, số vào sổ CH04257 do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/05/2015 cho bà Võ Thị Mộng H để thu hồi nợ.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T đối với bà Võ Thị Mộng H, ông Lợi Phi P đối với số tiền lãi phạt lãi quá hạn là 900.390 đồng (chín trăm nghìn ba trăm chín mươi đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/01/2023, bị đơn bà Võ Thị Mộng H và ông Lợi Phi P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với phần lãi quá hạn và yêu cầu được thanh toán dần số nợ mỗi tháng 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Võ Thị Mộng H và ông Lợi Phi P là bà Nguyễn Hồng N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Ngọc Trường S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn chỉ kháng cáo về phần lãi quá hạn và yêu cầu được thanh toán dần số nợ mỗi tháng 20.000.000 đồng. Bị đơn không kháng cáo về nợ gốc, nợ lãi trong hạn và xử lý tài sản thế chấp. Xét, kháng cáo của bị đơn, căn cứ vào thỏa thuận tại khoản 2.4 Điều 2 của hợp đồng tín dụng đã ký thì nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo yêu cầu trả dần số nợ nhưng hợp đồng tín dụng giao kết giữa hai bên không có thỏa thuận và không được nguyên đơn đồng ý. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Võ Thị Mộng H và ông Lợi Phi P là bà Nguyễn Hồng N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Quốc S, bà Trương Thị Hồng A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự có tên trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T – Chi nhánh B – Phòng giao dịch D khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Mộng H và ông Võ Phi P trả số tiền vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 202125971494 ngày 20/01/2021 với số tiền đến ngày 11/01/2023 là 1.169.178.473 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 9.257.534 đồng, lãi vốn gốc quá hạn là 159.020.548 đồng, lãi phạt lãi quá hạn là 900.390 đồng.

Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về số tiền vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 202125971494 ngày 20/01/2021 về số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi vốn gốc quá hạn. Đối với lãi phạt quá hạn là 900.390 đồng thì bị đơn không đồng ý vì khi thỏa thuận hợp đồng tín dụng, Ngân hàng không đề cập tới khoản lãi quá hạn này.

[3] Bị đơn kháng cáo cho rằng số lãi vốn gốc quá hạn với số tiền 159.020.548 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc là không có căn cứ và kháng cáo yêu cầu được thanh toán dần nợ hàng tháng với số tiền 20.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[4] Xét thấy, căn cứ vào thỏa thuận tại khoản 2.4 Điều 2 của các điều khoản chung về cấp tín dụng đính kèm theo Hợp đồng tín dụng số 202125971494 ngày 20/01/2021 thì các bên có thỏa thuận về lãi suất nợ quá hạn với phần nợ gốc quá hạn nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên buộc bị đơn phải chịu lãi suất nợ quá hạn trên phần nợ gốc quá hạn là có căn cứ.

[5] Đối với kháng cáo yêu cầu được thanh toán dần số nợ: Tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn thanh toán dần số tiền nợ. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn cũng không đồng ý. Căn cứ vào thỏa thuận tại điểm b, khoản 2.1 Điều 2 của các điều khoản chung về cấp tín dụng đính kèm theo Hợp đồng tín dụng số 202125971494 ngày 20/01/2021 trường hợp bị đơn không thanh toán đúng hạn và đầy đủ nợ gốc, lãi thì ngân hàng được quyền “*b. Chuyển toàn bộ số dư nợ thực tế còn lại của hợp đồng này và các hợp đồng tín dụng khác (nếu có) dù chưa đến hạn cũng được chuyển sang nợ quá hạn. Khi đó, SACOMBANK được quyền áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật, bao gồm cả xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.*”. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị đơn được thanh toán dần số nợ cho nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Đối với phần xử lý tài sản thế chấp thì các đương sự không có kháng cáo; Viện Kiểm sát không có quyết định kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[7] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà Võ Thị Mộng H và ông Lợi Phi P là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà H, ông L được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo bị đơn bà Võ Thị Mộng H và ông Lợi Phi P.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Võ Thị Mộng H và ông Lợi Phi P được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện D;
- TAND huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết